

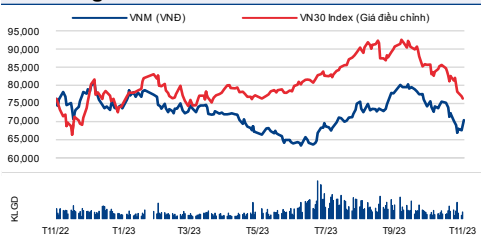
Mua vào

Giá mục tiêu: VND96,300
Tiềm năng tăng/giảm: 36.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (1/11/2023)	70,400
Mã Bloomberg	VNM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	63,391-80,815
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	147,133
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,989
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được mua (tr.đv)	928
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	44.4%
Tỷ lệ freefloat	39.4%
Cổ đông lớn	SCIC (36.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	59,956	61,951	65,570
EBITDA đc (tỷ đồng)	11,849	12,327	13,998
LNTT (tỷ đồng)	10,496	10,939	12,493
LNT ĐC (tỷ đồng)	8,516	8,839	10,028
FCF (tỷ đồng)	7,370	5,284	8,281
EPS ĐC (đồng)	3,632	3,806	4,318
DPS (đồng)	3,850	3,850	3,850
BVPS (đồng)	14,282	15,084	16,512
T.trưởng EBITDA (%)	(14.6)	4.04	13.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.6)	4.79	13.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	19.9	21.3
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.7	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	14.2	14.3	15.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	106	101	89.2
Nợ thuần/VCSH (%)	9.36	17.6	12.9
ROAE (%)	27.1	28.8	30.4
ROACE (%)	28.1	29.6	31.7
EV/doanh thu (lần)	2.50	2.46	2.31
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.6	12.4	10.8
P/E ĐC (lần)	19.4	18.5	16.3
P/B (lần)	4.93	4.67	4.26
Lợi suất cổ tức (%)	5.47	5.47	5.47

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VNM là công ty sữa lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của công ty bao gồm sữa nước, sữa bột, sữa chua, sữa đặc và các sản phẩm khác.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q3 tăng trưởng như dự báo

- VNM công bố KQKD Q3/2023 tăng trưởng và sát với dự báo của HSC. Trong đó, lợi nhuận thuần tăng 8,4% đạt 2.492 tỷ đồng, sát với dự báo của chúng tôi (ở mức 2,5 nghìn tỷ đồng), trong khi doanh thu thuần giảm 2,8%.
- Công ty đã giành thêm thị phần mảng sữa nước, sữa đặc và sữa chua. Thị phần chung của VNM đã tăng gần 200 điểm cơ bản so với đầu năm lên 42,5% tại thời điểm cuối tháng 9/2023. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đã tăng đúng như kỳ vọng nhờ giá sữa nguyên liệu giảm.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 96.300đ, tiềm năng tăng giá 37% sau khi giá cổ phiếu giảm 12% kể từ đầu tháng 9/2023.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

Trong Q3/2023, doanh thu thuần đạt 15.637 tỷ đồng, giảm 2,8% so với cùng kỳ nhưng tăng 2,9% so với quý trước. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng 8,4% so với cùng kỳ và tăng 13,3% so với quý trước đạt 2.492 tỷ đồng. Doanh thu thực hiện thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi (ở mức 16.642 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận thuần sát với dự báo (2,5 nghìn tỷ đồng).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần gần như đi ngang đạt 44.750 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần giảm 1,5% so với cùng kỳ xuống 6.548 tỷ đồng, lần lượt bằng 72,2% và 74,4% dự báo cả năm 2023 của HSC.

Doanh thu trong nước giảm 4% theo xu hướng chung của ngành

Doanh thu trong nước giảm 3,8% so với cùng kỳ xuống 13.253 tỷ đồng, đóng góp 85% tổng doanh thu của VNM, chủ yếu do sức tiêu thụ nói chung giảm. Trong đó, doanh thu của công ty mẹ (không bao gồm Sữa Mộc Châu) giảm 3,6% so với cùng kỳ xuống 11.911 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng doanh thu trong nước và doanh thu trong nước của công ty mẹ tăng lần lượt 3,6% và 4,4% so với quý trước nhờ hiệu ứng mùa vụ (Q3 thường là mùa cao điểm của VNM) và Công ty giành thêm thị phần.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q3/2023, VNM

Tỷ đồng	Q3/22	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	9T23	% sv cùng kỳ	2023F	% đạt dự báo 2023 HSC
Doanh thu thuần	15,637	-2.8%	2.9%	44,750	-0.3%	61,951	72.2%
Lợi nhuận gộp	6,555	3.2%	6.6%	18,103	0.3%	26,041	74.2%
Chi phí BH&QL	(3,815)	4.2%	5.1%	(10,776)	4.0%	(15,941)	67.8%
Lãi (lỗ) tài chính ròng	374	90.9%	80.7%	903	53.0%	915	98.7%
LNTT	3,076	7.5%	12.7%	8,116	-1.0%	10,939	67.6%
Lợi nhuận thuần	2,492	8.4%	13.3%	6,548	-1.5%	8,839	74.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41.9%			40.5%		42.0%	
Chi phí BH&QL/DT	24.4%			24.1%		25.7%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	15.9%			14.6%		14.3%	

Nguồn: VNM, HSC

Ban lãnh đạo cho biết theo báo cáo của Nielsen, tổng sản lượng tiêu thụ ngành sữa Việt Nam giảm 4% so với cùng kỳ trong Q3/2023, đồng thời chia sẻ rằng thị phần của VNM đã tăng lên 42,5% tại thời điểm cuối tháng 9/2023 (so với 40% tại thời điểm cuối tháng 2/2022). Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy thị phần của VNM cũng tăng dần trong 9 tháng vừa qua lên 42,5% trong tháng 9/2023, từ 42% trong tháng 6/2023 và 40,5% trong tháng 1/2023. Trong đó, mảng sữa nước, sữa đặc và sữa chua của Công ty đã giành được thêm thị phần.

Lưu ý rằng có sự không tương đồng về số liệu doanh thu VNM và toàn ngành. Trong đó, doanh thu của VNM là bán hàng từ công ty sang các nhà phân phối/bán lẻ trong khi doanh thu toàn ngành là bán hàng từ đơn vị bán lẻ cho người tiêu dùng cuối cùng).

Sản phẩm ghi nhận kết quả tích cực trong kỳ bao gồm sữa tươi Green Farm (một sản phẩm chiến lược giúp VNM giành lại thị phần từ các đối thủ cạnh tranh), với doanh thu tăng 2 lần so với cùng kỳ, sữa đặc Ông Thọ và sữa bột Sure Prevent, với doanh thu đều tăng trưởng 2 con số so với cùng kỳ.

Doanh thu xuất khẩu tăng 5% so với cùng kỳ

Doanh thu xuất khẩu khá ổn định đạt 1.245 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ nhưng giảm 1,8% so với quý trước. Doanh thu của các công ty con tại thị trường nước ngoài đạt 1.137 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước. Cụ thể, doanh thu công ty Angkor Milk có trụ sở tại Campuchia tăng 10% so với cùng kỳ nhưng doanh thu công ty con tại Mỹ Driftwood giảm ở mức một con số.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ giá sữa nguyên liệu giảm

Như dự tính, tỷ suất lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện trong Q3/2023, đạt 41,9% (từ 39,5% trong Q3/2022 và 40,5% trong Q2/2023) – mức cao nhất kể từ Q1/2022 (sau dịch COVID-19). Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ giá sữa nguyên liệu giảm 20-30% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí nguyên liệu/doanh thu giảm xuống 45,2% trong Q3/2023 từ 45,4% trong Q3/2022 và 48,3% trong Q2/2023.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 96.300đ, tương đương tiềm năng tăng giá 37% sau khi giá cổ phiếu giảm 13% kể từ đầu tháng 9/2023.

Chúng tôi cũng duy trì dự báo với lợi nhuận thuần năm 2023 ở mức 8.839 tỷ đồng (tăng trưởng 3,8%), tương đương lợi nhuận thuần dự báo đạt 2.291 tỷ đồng trong Q4/2023, tăng 22,6% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện (chúng tôi tin rằng mức độ giảm so với cùng kỳ của chi phí sữa nguyên liệu trong Q4/2023 sẽ nhiều hơn so với Q3/2023) nhưng giảm 8,1% so với quý trước do hiệu ứng mùa vụ.

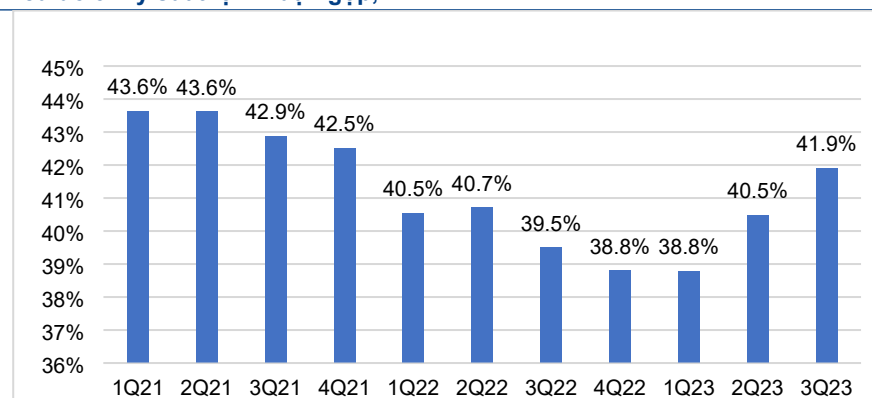
Cho năm 2024 và 2025, HSC dự báo lợi nhuận thuần đạt 10.028 tỷ đồng, tăng trưởng 13%, và 10,959 tỷ đồng, tăng trưởng 9% nhờ giành thêm được một chút thị phần và chi phí nguyên liệu đầu vào giảm.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, VNM

Tỷ đồng	Q3/22	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	9T23	% sv cùng kỳ	2023F	% đạt dự báo 2023 HSC
Trong nước	13,775	13,253	-3.8%	3.6%	37,904	37,532	-1.0%
Xuất khẩu	1,187	1,246	5.0%	-1.8%	3,741	3,741	0.0%
Công ty con tại nước ngoài	1,117	1,138	1.8%	0.1%	3,243	3,477	7.2%
Tổng doanh thu thuần	16,079	15,637	-2.8%	2.9%	44,888	44,750	-0.3%

Nguồn: VNM, HSC

Biểu đồ 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp, VNM



Nguồn: VNM, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	60,919	59,956	61,951	65,570	69,252
Lợi nhuận gộp	26,278	23,897	26,041	28,592	30,756
Chi phí BH&QL	(14,518)	(14,144)	(15,941)	(16,944)	(17,978)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	11,760	9,753	10,100	11,648	12,778
Lãi vay thuần	1,015	1,033	943	864	929
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(45.0)	(24.5)	(24.5)	(24.5)	(24.5)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	192	(266)	(79.7)	5.49	5.14
LNTT	12,922	10,496	10,939	12,493	13,688
Chi phí thuế TNDN	(2,290)	(1,918)	(1,977)	(2,334)	(2,591)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(100)	(61.6)	(124)	(131)	(138)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	10,532	8,516	8,839	10,028	10,959
Lợi nhuận thuần ĐC	10,532	8,516	8,839	10,028	10,959
EBITDA ĐC	13,882	11,849	12,327	13,998	15,294
EPS (đồng)	4,517	3,632	3,806	4,318	4,720
EPS ĐC (đồng)	4,517	3,632	3,806	4,318	4,720
DPS (đồng)	3,850	3,850	3,850	3,850	3,850
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	2,349	2,300	1,113	2,194	3,919
Đầu tư ngắn hạn	21,026	17,414	17,914	18,414	20,414
Phải thu khách hàng	4,368	4,634	4,658	4,930	5,207
Hàng tồn kho	6,773	5,538	6,165	6,137	6,390
Các tài sản ngắn hạn khác	1,595	1,675	1,931	2,023	2,125
Tổng tài sản ngắn hạn	36,110	31,560	31,781	33,698	38,055
TSCĐ hữu hình	11,620	10,860	10,696	10,492	10,778
TSCĐ vô hình	1,087	1,043	988	933	878
Bất động sản đầu tư	60.0	57.6	55.1	52.7	50.2
Đầu tư dài hạn	82.8	78.4	879	879	879
Đầu tư vào Cty LD,LK	661	664	664	664	664
Tài sản dài hạn khác	3,712	4,219	4,116	4,570	4,371
Tổng tài sản dài hạn	17,222	16,922	17,397	17,591	17,620
Tổng cộng tài sản	53,332	48,483	49,178	51,289	55,675
Nợ ngắn hạn	9,382	4,867	6,128	6,128	6,128
Phải trả người bán	4,214	4,284	3,780	3,892	4,052
Nợ ngắn hạn khác	2,758	5,397	2,256	2,407	2,489
Tổng nợ ngắn hạn	17,068	15,308	14,020	13,044	13,311
Nợ dài hạn	75.6	66.0	279	279	279
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	316	288	259	230	200
Nợ dài hạn khác	21.9	3.71	3.71	3.71	3.71
Tổng nợ dài hạn	414	358	542	513	483
Tổng nợ phải trả	17,482	15,666	14,562	13,556	13,795
Vốn chủ sở hữu	33,083	29,849	31,525	34,510	38,519
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,767	2,967	3,092	3,222	3,361
Tổng vốn chủ sở hữu	35,850	32,817	34,617	37,732	41,880
Tổng nợ phải trả và VCSH	53,332	48,483	49,178	51,289	55,675
BVPS (đ)	15,830	14,282	15,084	16,512	18,433
Nợ thuần/(tiền mặt)	7,109	2,633	5,295	4,214	2,489

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	11,760	9,753	10,100	11,648	12,778
Khấu hao	(2,121)	(2,095)	(2,227)	(2,350)	(2,516)
Lãi vay thuần	1,015	1,033	943	864	929
Thuế TNDN đã nộp	(2,357)	(1,975)	(1,977)	(2,334)	(2,591)
Thay đổi vốn lưu động	(1,293)	104	(3,469)	(1,341)	(395)
Khác	(1,814)	(2,183)	(686)	(363)	(337)
LCT thuần từ HĐKD	9,432	8,827	7,139	10,824	12,900
Đầu tư TS dài hạn	(1,531)	(1,457)	(1,855)	(2,544)	(2,544)
Góp vốn & đầu tư	(3,538)	(43.2)	(1,300)	(500)	(2,000)
Thanh lý	135	3,772	0	0	0
Khác	1,000	1,201	1,401	1,347	1,414
LCT thuần từ HĐĐT	(3,933)	3,473	(1,754)	(1,697)	(3,130)
Cổ tức trả cho CSH	(7,621)	(8,167)	(8,046)	(8,046)	(8,045)
Thu từ phát hành CP	318	338	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,046	(4,531)	1,474	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(5,257)	(12,360)	(6,572)	(8,046)	(8,045)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,111	2,349	2,300	1,113	2,194
LCT thuần trong kỳ	241	(60.2)	(1,187)	1,081	1,725
Ảnh hưởng của tỷ giá	(4.02)	11.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,349	2,300	1,113	2,194	3,919
Dòng tiền tự do	7,901	7,370	5,284	8,281	10,356

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	43.1	39.9	42.0	43.6	44.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	22.8	19.8	19.9	21.3	22.1
Tỷ suất LNT (%)	17.3	14.2	14.3	15.3	15.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.7	18.3	18.1	18.7	18.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.15	(1.58)	3.33	5.84	5.61
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.08)	(14.6)	4.04	13.6	9.26
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(5.10)	(19.1)	3.79	13.5	9.28
Tăng trưởng EPS (%)	(5.30)	(19.6)	4.79	13.5	9.30
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(5.30)	(19.6)	4.79	13.5	9.30
Tăng trưởng DPS (%)	1.48	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	85.2	106	101	89.2	81.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	32.7	27.1	28.8	30.4	30.0
ROACE (%)	33.4	28.1	29.6	31.7	31.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.20	1.18	1.27	1.31	1.29
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.80	0.91	0.71	0.93	1.01
Số ngày tồn kho	71.4	56.1	62.7	60.6	60.6
Số ngày phải thu	46.0	46.9	47.3	48.7	49.4
Số ngày phải trả	44.4	43.4	38.4	38.4	38.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	21.7	9.36	17.6	12.9	7.13
Nợ/tài sản (%)	17.9	10.5	13.5	13.0	12.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.69	0.43	0.54	0.48	0.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.12	2.06	2.27	2.58	2.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.53	2.50	2.46	2.31	2.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	12.6	12.4	10.8	9.78
P/E (lần)	15.6	19.4	18.5	16.3	14.9
P/E ĐC (lần)	15.6	19.4	18.5	16.3	14.9
P/B (lần)	4.45	4.93	4.67	4.26	3.82
Lợi suất cổ tức (%)	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn